

**TÒA ÁN N DÂN  
HUYỆN GÒ DẦU  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 24 -8- 2022  
V/v “Tranh chấp ly hôn và con  
chung”

**N DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN N DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hữu Tài

*Các Hội thẩm N dân:*

1. Ông Nguyễn Thanh Văn

2. Bà Trần Thị Nhạn

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Đình Văn – Thư ký Tòa án N dân huyện Gò Dầu.

**- Đại diện Viện Kiểm sát N dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Trần Anh Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2022 tại Tòa án N dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 321/2022/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn và con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị H, sinh năm: 1990.

Địa chỉ: ấp T, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương.

*Bị đơn:* Anh N, sinh năm: 1992.

Địa chỉ: ấp B2, xã P, huyện D, tỉnh Tây Ninh.

Tạm trú: ấp P, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện chị H trình bày:* Chị và anh N chung sống với nhau vào năm 2019, hôn N tự nguyện và có đăng ký kết hôn, chị và anh N chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì mâu thuẫn và chúng tôi ly thân với nhau. Nay nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn N không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh N;

Về con chung: chị yêu cầu nuôi cháu M, sinh ngày 20-5-2020, chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con;

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết;

Về nợ chung: Không.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 05-8-2022 anh N trình bày:

Về hôn N: Anh đồng ý ly hôn với chị H; Về con chung: Anh đồng ý theo yêu cầu của chị H, anh không cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản: Anh không yêu cầu giải quyết; Về nợ chung: Không có.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát N dân huyện Gò Dầu:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến khi nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Chị H và anh N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó đề nghị xét xử vắng mặt anh N và chị H theo Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh N; về con chung giao chị H nuôi dưỡng cháu M, sinh ngày 20-5-2020, anh N không cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung chị H và anh N không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết; nợ chung anh chị khai không có nên không giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị H và anh N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Chị H và anh N chung sống với nhau vào năm 2019, hôn N tự nguyện và có đăng ký kết hôn, chị và anh N chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì mâu thuẫn và ly thân với nhau. Nay nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn N không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn anh N đồng ý. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh N là có căn cứ.

[3] Về con chung: Chị H và anh N thống nhất giao cháu M, sinh ngày 20-5-2020 cho chị H nuôi dưỡng, anh N không cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử ghi nhận;

[4] Về tài sản chung: Chị H và anh N không yêu cầu nên không giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị H và anh N khai không có nên không giải quyết.

[6] Xét đề nghị của đại Viện viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn N sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường Quốc Hội; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82 Luật Hôn N và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường Quốc Hội về án phí, lệ phí;

1. Về hôn N: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh N. Chị H được ly hôn với anh N.

2. Về con chung: Giao chị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu M, sinh ngày 20-5-2020. Anh N không cấp dưỡng nuôi con.

Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị H và anh N không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị H và anh N khai không có nên không giải quyết.

5. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn N sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị Hiếu đã nộp 300.000 theo biên lai thu số 0024383 ngày 30 tháng 5 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Dầu (chị H đã nộp xong).

6. Báo cho chị H và anh N có quyền kháng cáo lên Tòa án N dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC.THADS huyện Gò Dầu;
- Các đương sự;
- UBND xã Long Hòa;
- Lưu: TAGD, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Hữu Tài**